

Sinh kế dựa vào tri thức khai thác nguồn lợi tự nhiên của dân tộc thiểu số rất ít người khu vực Tây Bắc Việt Nam

Phạm Thị Phương Thái

Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên

Bài viết là sản phẩm của đề tài khoa học cấp Nhà nước: “Những giải pháp cơ bản và cấp bách nhằm nâng cao hiệu quả của chính sách bảo tồn và phát triển các dân tộc thiểu số rất ít người ở nước ta hiện nay”, mã số CTDT.42.18/16-20

Khai thác nguồn lợi từ tự nhiên để phục vụ nhu cầu sống là đặc trưng của các tộc người thiểu số có địa bàn cư trú gần với tự nhiên, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người, hoạt động này vẫn được xem là nguồn sinh kế chính. Bằng phương pháp điền dã dân tộc học, phân tích và tổng hợp tài liệu được ứng dụng trong nghiên cứu, trên cơ sở các nguồn số liệu thứ cấp và sơ cấp, tác giả phân tích các hoạt động sinh kế dựa vào khai thác nguồn lợi tự nhiên của một số dân tộc thiểu số rất ít người (DTTSRIN) cư trú tại khu vực Tây Bắc Việt Nam, từ đó liên hệ với thực trạng giải quyết việc làm và nhu cầu đào tạo nghề cho lao động là người DTTSRIN hiện nay.

1. Đặt vấn đề

Theo số liệu Điều tra thực trạng KT-XH 53 DTTS công bố năm 2016, dân số nhóm này có khoảng 13,4 triệu người (chiếm 14,6% dân số cả nước) với 3,04 triệu hộ. Trong đó có 6 dân tộc có dân số trên 1 triệu người, 16 dân tộc có dân số dưới 10.000 người (gọi chung là nhóm DTTSRIN), trong đó có 5 dân tộc có dân số dưới 1.000 người gồm: Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ô Đu.

Sinh kế của đồng bào các DTTSRIN chủ yếu thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Tỷ lệ các nhóm DTTSRIN có việc làm trong lĩnh vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ còn hạn chế, chưa khai thác được tiềm năng trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ của khu vực. Thu nhập bình quân đầu người của nhóm DTTSRIN được khảo sát là dân tộc Cống, Mảng, La Hủ, thì mức thu nhập trung bình khoảng từ 680.000 — 1.200.000/người/tháng [2]. Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều ở nhóm các dân tộc này là: Cống — 48,1%; Mảng — 79,5%; La Hủ - 84,9% [2]. Việt Nam là một trong những quốc gia có mức bình quân ruộng đất theo đầu người thấp nhất thế giới. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp bình quân đầu người ở Việt Nam là 0,25 ha, trong khi đó trên thế giới là 0,52 ha và trong khu vực là 0,36 ha. Theo báo cáo điều tra 53 dân tộc, diện tích đất nông nghiệp bình quân hộ ở nhóm dân tộc Cống là 0,67ha, ở nhóm dân tộc La Hủ là 0,54ha, chưa có thống kê của dân tộc Mảng; và có khoảng trên 50% số hộ DTTSRIN nhóm này có nhu cầu được cấp thêm đất sản xuất nông nghiệp. Đặc biệt là vấn đề giao đất, giao rừng cho hộ DTTS: Tỷ lệ hộ DTTS được giao đất, giao rừng rất

thấp, chiếm 11,5% số hộ DTTS; trung bình 2,13 ha/hộ (thấp hơn rất nhiều so với định mức khoán tối đa không quá 30 ha/hộ); chế độ, định mức khoán bảo vệ rừng thấp (400.000 đồng/ha/năm), người dân chưa thể sống bằng nghề rừng.... Tỷ lệ người DTTSRIN nhóm này biết tiếng phổ thông thấp, ảnh hưởng lớn đến việc tham gia các lớp đào tạo nghề chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp, nên mặc dù địa phương có thực hiện các chính sách đào tạo nghề nhưng không thu hút được sự tham gia của nhóm này. Trước thực trạng trên, việc người DTTSRIN vẫn duy trì hoạt động săn bắn, hái lượm để phục vụ nhu cầu sống hàng ngày cũng là tất yếu.

2. Kết quả và thảo luận

2.1. Thực trạng khai thác nguồn lợi tự nhiên của nhóm DTTSRIN

Cuộc sống của các DTTSRIN (Cống, Mảng và La Hủ) gắn liền với rừng, với vĩ độ cao. Địa bàn cư trú của họ là những nơi xa xôi hẻo lánh bậc nhất của vùng Tây Bắc. Nhóm DTTSRIN này sống tương đối biệt lập, ít giao lưu tiếp xúc với bên ngoài. Sinh sống tại vùng rẻo cao, với độ cao trung bình trên 1000m, nhóm DTTSRIN này đã chọn sinh kế truyền thống là “dao canh hóa chùng”, tức hoạt động kinh tế dựa vào nương rẫy và chiếm đoạt tự nhiên. Công cụ làm nương là rìu, dao, gậy chọc lỗ. Năng suất lúa thường thấp do đất đai cằn cỗi, rừng non, đời sống bấp bênh, thiếu ăn quanh năm. Vì thế, hái lượm, săn bắt vẫn là sinh kế chủ yếu của họ. Người Mảng và La Hủ nổi tiếng với khả năng săn bắt, đặt bẫy và hái lượm trong rừng. Họ thực sự là

những cư dân bám vào không gian rừng để sinh tồn. Ngay cách định danh tộc đã phản ánh điều đó. La Hủ là tên gọi phiên từ tiếng Hán - Việt là Lạp Hồ, có nghĩa là “người đi săn hổ”. Dân tộc Cống là cư dân nông nghiệp chuyên làm nương rẫy với phương thức canh tác là phát rừng, đốt nương, chọc lỗ và tra hạt. Do cư trú tại vùng biên giới Việt — Trung và Việt — Lào, là nơi núi cao, rừng rộng, đất rộng, người thưa nên hoạt động kinh tế khai thác tự nhiên của đồng bào rất phong phú, ngoài khai thác các loại lâm — thổ sản từ rừng, đồng bào Cống còn có thói quen bắt cá bằng tay hoặc dùng cá ở các khe suối và dùng thuyền đánh cá trên sông (cuối thế kỷ XX).

Lối sống của nhóm DTTSRIN là du canh du cư. Họ không ở cố định và lâu dài ở một địa bàn mà chỉ dừng lại một nơi để trồng trọt và săn bắt. Sau đó di chuyển nơi khác, tới vụ thu hoạch lại quay về, do đó nên nhà cửa của họ cũng được dựng một cách hết sức tạm bợ và sơ sài. Hiện nay, bằng việc thực hiện các chính sách phát triển KT-XH đặc thù dành cho DTTSRIN của Đảng và Nhà nước, các hộ DTTSRIN đã và đang có cuộc sống định canh định cư hơn. Nhưng rừng vẫn là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của họ. Họ vẫn giữ thói quen đi rừng hái lượm nấm, rau, mật ong..., tìm cây thuốc và săn bắt, kiếm gỗ dựng nhà, sửa nhà. Hiển nhiên, rừng vẫn là không gian sinh tồn, sinh kế và không gian văn hóa của đồng bào DTTSRIN. Những thói quen canh tác lúa nước, áp dụng kỹ thuật khoa học trong chăn nuôi, trồng trọt cũng như tổ chức cuộc sống giống như một số dân tộc khác cư trú ở vùng thấp trở nên xa lạ với họ. Bởi những thói quen tồn tại từ ngàn đời không dễ thay đổi một sớm một chiều với một cộng đồng sinh sống ở địa bàn có tính chất biệt lập do địa hình tự nhiên, ngại giao tiếp và chưa sẵn sàng thích ứng như nhóm DTTSRIN này.

2.2. Thực trạng việc làm của nhóm DTTSRIN hiện nay

Các nhóm DTTS bị bất lợi so với nhóm dân đa số về giáo dục và việc làm, khả năng chuyển đổi nơi ở, chỗ làm, tiếp cận các dịch vụ tài chính, các nguồn lực sản xuất như đất đai, tiếp cận thị trường do bị gắn với khuôn mẫu cũng như các rào cản văn hóa khác. Theo đó, đặc điểm nổi bật của người DTTS là họ tham gia làm việc từ độ tuổi rất trẻ và hầu hết người DTTS trong độ tuổi lao động đều làm việc, điều này thể hiện ở tỷ lệ người DTTS từ 15 tuổi trở lên có việc làm năm 2015 đạt tới 87,55%, cao hơn đáng kể so với tỷ lệ tương ứng của người Kinh là 74,92%.

Khi phân chia cơ cấu lao động có việc làm theo nghề nghiệp có thể thấy những công việc được trả công, được gọi tên, tỷ lệ người DTTSRIN tham gia rất thấp; trên 90% dân số ở 2 dân tộc này tham gia những công việc lao động giản đơn, không đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật. Tỷ lệ hộ làm nghề truyền thống (chiếm khoảng từ 0,0 — 4,4%) và các nghề dịch vụ đặc biệt thấp (0,2%), tỷ lệ không đáng kể. Khảo sát về số gia

súc bình quân một hộ chia theo dân tộc cho thấy tỉ lệ hộ có nuôi gia súc cũng rất thấp, đặc biệt với dân tộc Mảng trung bình mỗi hộ chưa có đến 1 con gia súc bất kì. Nguyên nhân của hiện trạng trên là do người DTTSRIN sử dụng đồng vốn vay không hiệu quả, ý thức người dân kém, không chịu tìm tòi, áp dụng KHKT vào chăn nuôi, sản xuất, điều này lý giải vì sao các hộ gia đình DTTSRIN vẫn chủ yếu duy trì hoạt động săn bắn, hái lượm:

“Nếu người dân tộc khác chăn nuôi đạt sống 90% thì dân tộc Mảng nuôi chỉ đạt 40% sống; người La Hủ cũng trong tình trạng tương tự, nhà nước hỗ trợ con giống nhưng người dân không có ý thức áp dụng kỹ thuật chăn nuôi. Hiện đồn biên phòng đang nuôi bò hộ người La Hủ, họ không chịu học cách nuôi, giờ hết thời hạn gửi mà họ cũng không nhận bò về. Hướng dẫn họ học cách trồng rau và hoa màu họ cũng không học, số ít đến nghe xong về cũng không làm...” (PVS, Đồn trưởng Đồn biên phòng Pa Ủ, Lai Châu).

Vùng DTTS đã và đang là “lối nghèo của cả nước”: thu nhập bình quân đầu người của DTTS chỉ bằng khoảng 30% so với bình quân chung cả nước. Dân số DTTS chiếm 14,6% dân số cả nước nhưng tỷ lệ hộ nghèo chiếm 52,66% hộ nghèo của cả nước. Trước thực trạng đó, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách giải quyết việc làm cho lao động vùng DTTS, đặc biệt đối với DTTSRIN với nhiều hình thức hỗ trợ khác nhau và đã thu được nhiều kết quả khả quan, tỷ lệ hộ nghèo giảm, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao. Tuy nhiên, so với yêu cầu thực tế hiện nay, vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập như cơ cấu ngành đào tạo chưa phù hợp với thị trường lao động, chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn; nhiều người đã qua đào tạo nghề vẫn gặp nhiều khó khăn để tìm được việc làm; nhiều người phải làm việc không phù hợp với chuyên môn, ngành nghề được đào tạo; tỷ lệ thiếu việc làm còn khá cao...

2.3. Vì sao chính sách đào tạo nghề cho lao động là người DTTSRIN hiện nay không hiệu quả?

Tính đặc thù văn hóa tộc người, đặc biệt là những thói quen là kết quả từ không gian sinh tồn của người DTTSRIN (Cống, Mảng, La Hủ) không được cân nhắc và đề cập tới khi hoạch định nội dung chính sách hỗ trợ, nhất là tập quán và thói quen sinh kế của họ. Vốn là những cư dân sinh sống tại không gian rẻo cao, gắn chặt với rừng, hoạt động kinh tế thiên về chiếm đoạt và dựa vào tự nhiên, nên khi “hạ sơn”, họ không có tâm thế và kỹ năng để bước vào một thao tác sinh kế mới, như không biết chăn nuôi, trồng trọt, sử dụng phân bón, áp dụng khoa học kỹ thuật. Với nhận thức được hình thành và bám chặt vào không gian sinh tồn ngàn đời nên tình trạng bị vênh lệch, khó thích nghi với không gian và hoàn cảnh sống mới là điều đương nhiên đối với những cộng đồng người này.

Thời gian qua, ngân sách nhà nước tuy còn khó

khăn, nhưng các chính sách dân tộc đã được Đảng và Nhà nước ưu tiên bố trí nguồn lực kết hợp các nguồn tài trợ từ các tổ chức quốc tế, với ngân sách địa phương nhằm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng DTTS và miền núi. Các chính sách giai đoạn này tập trung thực hiện ba khâu đột phá Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước: bảo vệ môi trường; đào tạo nghề - phát triển cán bộ DTTS; tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật. Đây là một trong những động thái thiết thực của Nhà nước nhằm giúp các hộ gia đình có việc làm ổn định, thoát nghèo bền vững. Đề án 1956 được coi là giải pháp trong công tác xóa đói, giảm nghèo bền vững, với nội dung chính là dạy nghề cho lao động nông thôn, DTTS nói chung và DTTSRIN nói riêng khắc phục tình trạng thiếu đất sản xuất, chuyển đổi cơ cấu lao động, tạo việc làm bền vững cho đồng bào. Tuy nhiên, trên thực tế, số người sau đào tạo thường có việc làm không bền vững. Phần lớn các học viên sau khi nhận chứng chỉ về cất đi hoặc quay về làm nông nghiệp. Nếu có được tham gia các khóa học hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi, đầu tư con giống, nhưng không được đầu tư vốn phát triển sản xuất, chỉ sau vài tháng, “chứ thầy lại trả thầy”. Vùng DTTSRIN chủ yếu là khu vực núi cao, biên giới, địa hình chia cắt, khí hậu khắc nghiệt, kết cấu hạ tầng kém nhất cả nước, xuất phát điểm rất thấp; biến đổi khí hậu, sự cố môi trường (Sạt lở đất, hạn hán...) diễn ra nghiêm trọng và khó lường... Chi phí sản xuất, lưu thông hàng hóa lớn nên rất khó khăn để thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư phát triển KT-XH, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của vùng DTTSRIN.

3. Kết luận và khuyến nghị

Giải quyết việc làm cho người DTTSRIN không chỉ có ý nghĩa kinh tế, mà còn mang cả ý nghĩa xã hội và nhân văn sâu sắc. Đối với cá nhân người lao động, dạy nghề và việc làm sẽ nâng cao trình độ học vấn, tay nghề, góp phần hoàn thiện nhân cách và trí tuệ, qua đó giúp họ có nghề nghiệp ổn định, mang lại thu nhập và cải thiện được cuộc sống. Đối với xã hội, dạy nghề và giải quyết việc làm sẽ cung cấp một lực lượng lao động quan trọng, là nhân tố thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thu nhập của địa phương, đồng thời giảm bớt những tiêu cực, tệ nạn xã hội do dân trí thấp mang lại. Tuy nhiên hiện nay các mô hình dạy nghề lại chưa mang lại hiệu quả, dẫn đến khó khăn trong việc chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp của nhóm DTTSRIN. Tỷ trọng nghề nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ cao trong cơ cấu nghề nghiệp của nhóm này, tuy nhiên nông nghiệp chăn nuôi — trồng trọt chưa mang lại hiệu quả kinh tế cao như mong đợi, chủ yếu là manh mún, nhỏ lẻ, và người dân vẫn phần lớn sống dựa vào khai thác nguồn lợi tự nhiên từ rừng.

Vấn đề đặt ra là, nên chăng cần phải có sự kết hợp hài hòa, chuyển giao linh hoạt giữa cấu trúc kinh tế - xã hội truyền thống của đối tượng thụ hưởng chính

sách với nội dung chính sách, tạo nên bước chuyển nghiệp vụ và ăn nhập? Cái cũ và truyền thống mà có tác dụng tốt, ưu việt thì cần khai thác để hòa nhập và phục vụ cuộc sống mới. Những tri thức sinh tồn tự xưa và yếu tố tích cực của tập tục cộng đồng cần phải được tôn trọng. Đồng thời, cũng nên lưu ý khi thiết mô hình mới phải có sự gắn gũi, thân thuộc, tạo được tâm thế và điều kiện sống và phát triển một cách bền vững, phát huy được sở trường của họ trong lao động sản xuất. Việc thay đổi nhận thức và khả năng thích nghi của đồng bào DTTSRIN là cả một quá trình lâu dài, từng bước, đồng bộ, không thể nóng vội, đốt cháy giai đoạn. Thực tiễn thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với DTTSRIN mà dân tộc Cống, Mảng, La Hủ là trường hợp điển hình đã minh định, muốn cộng đồng DTTS phát triển bền vững, họ cần được phát triển trong chính không gian sinh tồn của họ với những sinh kế đa dạng và phù hợp./.

Tài liệu tham khảo

UBDT, UNDP, IrishAid (2017), Tổng quan thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số dựa trên kết quả phân tích số liệu điều tra thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2015, Hà Nội.

Lê Minh Anh (2015), Hoạt động mưu sinh truyền thống của người Mảng ở vùng tái định cư Thủy điện Sơn, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á - Số 4, Tr. 71-77.

Trần Văn Hà (2005), Đời sống song ngữ của người Cống và Hà Nhi ở Tây Bắc, Tạp chí Dân tộc học - Số 5, Tr. 35 — 41.

Trần Văn Hà (2005), Đời sống song ngữ của người Cống và Hà Nhi ở Tây Bắc, Tạp chí Dân tộc học - Số 5, Tr. 35 — 41.

Diệp Đình Hoa (2000), Người La Hủ ở Mường Tè - Lai Châu, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử - Số 1, Tr. 57 — 69.

Phạm Huy (1998), Bước đầu tìm hiểu văn hóa dân tộc Cống, Sở văn hóa thông tin tỉnh Lai Châu.